KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THCS …… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỔ: ….. **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TOÁN, KHỐI LỚP 8
SÁCH CÁNH DIỀU

(Năm học 2023 - 2024)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lớp: 5 lớp 8 **; Số học sinh:**

2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: giáo viên; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: giáo viên Đại học: giáo viên ; Trên đại học: giáo viên.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: giáo viên; Khá: giáo viên; Đạt giáo viên:; Chưa đạt: giáo viên

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, máy chiếu tại các phòng học, bảng tương tác	bộ	Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT	
2	Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên	bộ	Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học	
3	Bìa giấy cứng, keo dán, Dụng cụ thủ công	Bộ	Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập*(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng Tin học	01		
2	Lớp học	01		

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Phân bố các tiết dạy: Số tiết 140 tiết (35 tuần, mỗi tuần 4 tiết)						
	Đại số	Thống kê và xác suất	Hình	Ôn tập – Kiểm tra	Tổng	Hoạt động thực hành và trải nghiệm (4 tiết)

Học kì I				Ôn tập giữa kì (4 tiết) K.tra giữa kì (2 tiết) Ôn tập cuối kì (4 tiết) K.tra cuối kì (2 tiết) Trả bài kiểm tra cuối kì (2 tiết)	72	Hoạt động thực hành và trải nghiệm (2 tiết) *Chủ đề. Thực hành tạo Hologram*
Học kì II				Ôn tập giữa kì (4 tiết) K.tra giữa kì (2 tiết) Ôn tập cuối kì (6 tiết) K.tra cuối kì (2 tiết) Trả bài kiểm tra cuối kì (2 tiết)	68	Hoạt động thực hành trải nghiệm (2 tiết) *Chủ đề: Thực hành đo chiều cao*

1. Phân phối chương trình:

PHẦN ĐẠI SỐ

STT	Bài học	Số tiết	Tiết theo PPCT	Yêu cầu cần đạt.	Thiết bị dạy học
CHƯƠNG 1. ĐA THỨC NHIỀU BIẾN (16 tiết)					
	§1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến	4	1.2.3.4	- *Nhận biết được đơn thức, đa thức nhiều biến.* -*Thực hiện thu gọn đơn thức, đa thức.* -Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến	
	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến	4	5.6.7.8	-*Thực hiện được phép cộng, trừ đa thức.* -*Thực hiện được phép nhân hai đơn thức, nhân đơn thức với đa thức, nhân hai đa thức.* -Thực hiện được phép chia hết đơn thức cho đơn thức, đa thức cho đơn thức	
	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ	4	9.10 11.12	- Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của một tổng; bình phương của một hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của một tổng; lập phương của một hiệu; tổng hai lập phương; hiệu hai lập phương - Vận dụng các hằng đẳng thức này để khai triển, tính nhanh, rút gọn biểu thức	
	§4. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa	2	13.14	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử. - Mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức	

	thức thành nhân tử			- Vận dụng các cách này để khai triển, giải toán tìm x, rút gọn biểu thức	
	Bài tập cuối chương 1	2	15.16	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
CHƯƠNG II. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ (10 tiết)					
	§ 1. Phân thức đại số	3	17.18 19	- *Nhận biết được phân thức, điều kiện xác định, giá trị của phân thức, hai phân thức bằng nhau.* - Sử dụng các tính chất cơ bản của phân thức để xét sự bằng nhau của hai phân thức, rút gọn phân thức	
	§2. Phép cộng, phép trừ phân thức đại số	3	20.21.22	-*Thực hiện được phép cộng, phép trừ hai phân thức đại số.* - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, quy tắc dấu ngoặc trong tính toán với phân thức đại số.	
	Ôn tập giữa học kì	2	23.24	- + Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I	
	Kiểm tra giữa học kì I	1	25	- Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I	
	§3. Phép nhân, phép chia phân thức đại số	2	26.27	- Thực hiện được phép nhân, chia hai phân thức đại số. - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán với phân thức đại số	
	Bài tập cuối chương II	2	28.29	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
CHƯƠNG III. HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ (12 tiết)					
	§ 1. Hàm số	2	30.31	- Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số. -Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức.	
	§2. Mặt phẳng toạ độ. Đồ thị của hàm số	3	32.33.34	- *Xác định được tọa độ của một điểm trên mặt phẳng toạ độ.* - *Xác định được một điểm trên mặt phẳng toạ độ khi biết toạ độ của nó.* - Nhận biết được đồ thị hàm số	
	§3. Hàm số bậc nhất y = ax + b	2	35.36	- *Nhận biết khái niệm hàm số bậc nhất.* - *Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất* $y = ax + b\ (a\ 0)$ - Vận dụng được hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.	

	§4. Đồ thị của hàm số bậc nhất	3	37.38 39	- *Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất* $y = ax + b$ $(a \neq 0)$ - Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ $(a \neq 0)$ - Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước	
	Bài tập cuối chương III	21	40	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
	Ôn tập học kì I	1	41	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì I	
	Kiểm tra học kì I	1	42	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I	
	Trả bài kiểm tra học kì I	1	43		
CHƯƠNG VI. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT (13 tiết)					
	§ 1. Thu thập và phân loại dữ liệu	2	44.45	- Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau. - Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví dụ đơn giản. - Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản	
	§2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	2	46.47	- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ thích hợp. - So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác.	
	§3. Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ	2	48.49	- Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng bảng thống kê và các loại biểu đồ đã học. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong thực tiễn. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được	

	§4. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản	2	50.51	- Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm	
	§5. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản	3	52.53 54	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ có tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm. - Ứng dụng trong một số bài toán đơn giản	
	Bài tập cuối chương VI	2	55.56	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
	Ôn tập giữa học kì II	2	57.58	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình nửa đầu học kì II	
	Kiểm tra giữa học kì II	1	59	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì II	
CHƯƠNG VII. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN (8 tiết)					
	§ 1. Phương trình bậc nhất một ẩn	3	60.61 62	- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất	
	§2. ứng dụng của Phương trình bậc nhất một ẩn	3	63.64 65	Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất	
	Bài tập cuối chương VII	2	66.67	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
	Ôn tập học kì II	3	68.69 70.71	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II	
	Kiểm tra học kì II	1	72	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II	
	Trả bài kiểm tra học kì II	1	73		

PHẦN HÌNH HỌC

STT	Bài học	Số tiết	Tiết theo PPCT	Yêu cầu cần đạt.	Thiết bị dạy học
CHƯƠNG IV. HÌNH HỌC TRỰC QUAN (7 tiết)					
	§ 1. Hình chóp tam giác đều	3	1.2.3	- Mô tả được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. - Tạo lập được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều	
	§2. Hình chóp tứ giác đều	3	4.5.6	- Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều	
	Bài tập cuối chương IV	1	7	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
	Ôn tập giữa học kì I	1	8	Ôn tập và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I	
	Kiểm tra giữa học kì I	1	9	Kiểm tra đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I	
CHƯƠNG V. TAM GIÁC. TỨ GIÁC (14 tiết)					
	§1. Định lí Pythagore	2	10.11	- *Giải thích được định lí Pythagore.Tính được độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore.* - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Pythagore (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).	
	§2. Tứ giác	1	12	- Mô tả được tứ giác. Nhận biết được tứ giác lồi - Giải thích được đính lí về tổng các góc của một tứ giác lồi bằng 360°	
	§3. Hình thang cân	2	13.14	- Nhận biết hình thang, hình thang cân, hình thang vuông. - Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân. - Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân).	
	§4. Hình bình hành	2	15.16	- Mô tả khái niệm hình bình hành. - Giải thích các tính chất của hình bình hành. - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành	

	§5. Hình chữ nhật	2	17.18	- Mô tả khái niệm hình chữ nhật. - Giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật	
	§6. Hình thoi	2	19.20	- Mô tả khái niệm hình thoi. - Giải thích các tính chất của hình thoi. - Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi	
	§7. Hình vuông	2	21.22	- Mô tả khái niệm hình vuông. - Giải thích các tính chất của hình vuông. - Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình vuông	
	Bài tập cuối chương V	1	23	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
	Hoạt động thực hành và trải nghiệm	2	24.25	*Chủ đề. Thực hành tạo Hologram*	
	Ôn tập học kì I	1	26	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì I	
	Kiểm tra học kì I	1	27.28	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I	
	Trả bài kiểm tra học kì I		29		
CHƯƠNG VIII. TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG. HÌNH ĐỒNG DẠNG (13 tiết)					
	§ 1. Định lí Thalès trong tam giác	4	30.31 32.33	- Định lí Thalès trong tam giác (thuận và đảo). - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès.	
	§2. Ứng dụng của định lí Thalès trong tam giác	2	34.35	Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí, ...)	
	§3. Đường trung bình của tam giác	2	36.37	Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác - Biết vận dụng tính chất của đường trung bình của tam giác trong giải toán và giải quyết một số vấn đề thực tế.	

	§4. Tính chất đường phân giác của tam giác	3	38.39 40	- Giải thích được tính chất đường phân giác của tam giác. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tính chất đường phân giác của tam giác	
	Ôn tập giữa học kì II	2	41.42	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình nửa đầu học kì II	
	Kiểm tra giữa học kì II	1	43	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì II	
	§5. Tam giác đồng dạng	3	44.45 46	- Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng, kí hiệu, cách viết, tỉ số đồng dạng. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng.	
	§6. Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác	3	47.48 49	- Nhận biết và giải thích hai tam giác đồng dạng dựa trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác. - Áp dụng trường hợp đồng dạng c.c.c của hai tam giác vào nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn	
	§7. Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác	3	50.51 52	- Nhận biết và giải thích hai tam giác đồng dạng dựa trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác. - Áp dụng trường hợp đồng dạng c.g.c của hai tam giác vào nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn	
	§8. Trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác	3	53.54 55	- Nhận biết và giải thích hai tam giác đồng dạng dựa trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác. - Áp dụng trường hợp đồng dạng g.g của hai tam giác vào nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn	
	§9. Hình đồng dạng	2	56.57	Nhận biết được hình đông dạng phối cảnh (hình vị tự), hình đồng dạng qua các hình ảnh cụ thể.	
	§ 10. Hình đồng dạng trong thực tiễn	1	58	Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo, ... biểu hiện qua hình đồng dạng.	

	Bài tập cuối chương VIII	3	59.60 61	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
	Hoạt động thực hành trải nghiệm	2	62.63	*Chủ đề: Thực hành đo chiều cao*	
	Ôn tập học kì I (phần hình học)	2	64.65	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II	
	KIỂM TRA HỌC KÌ II	1	66	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II	
	Trả bài kiểm tra học kì II	1	67		

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông) *(không)*

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	Tuần 9	Đầu tháng 11	– Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Đa thức và Tứ giác – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Đa thức và Tứ giác – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 1	Tuần 18	Cuối tháng 12	– Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Giữa Học kỳ 2	Tuần 26	Đầu tháng 3	– Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Hàm số - Đồ thị và Định lí Thales – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Hàm số - Đồ thị và Định lí Thales – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 2	Tuần 35	Cuối tháng 5	– Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì II – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì II – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ):

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài liệu.
- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.
- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.
- Giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức bồi dưỡng cho đội tuyển từ kết quả kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi khối 6 năm học 2021 – 2023.

c) Kế hoạch học tập:

THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	GHI CHÚ
07/9/2023	Phổ biến kế hoạch và nội quy lớp bồi dưỡng HSG đến HS được tuyển chọn.	
Đợt 1: 6 tuần 15/9/2023 - 30/10/2023	Lập danh sách Đội dự tuyển (lần 1)	
	Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung cơ bản và luyện tập	
	Kiểm tra cuối đợt 1.	Báo kết quả: 01/11/2023
Đợt 2: 8 tuần 01/11/2023 - 01/12/2023	Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung nâng cao và luyện tập	
	Kiểm tra cuối đợt 2.	Báo kết quả: 02/12/2023
	Lập danh sách Đội dự tuyển (lần 2)	
Đợt 3: 8 tuần 02/12/2023 - 15/02/2024	Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung chuyên sâu, tổng ôn và luyện tập	(có 02 tuần nghỉ tết)
	Kiểm tra cuối đợt 3.	
	Chốt danh sách Đội tuyển (lần 3)	Báo kết quả: 20/02/2024
Đợt 4: 8 tuần 15/02/2024 - 15/04/2024	Tiếp tục thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung Tổng ôn tập và luyện tập	
	Kiểm tra cuối đợt 4	
	Chốt danh sách Đội tuyển (lần 4) dự thi cấp Trường	Báo kết quả: 15/04/2024

d) Biện pháp thực hiện:

- Tuyển chọn học sinh yêu thích bộ môn, có kết quả năm học trước đạt loại giỏi, hạnh kiểm tốt, điểm trung bình bộ môn yêu thích đạt từ 8,0 trở lên.

- Khảo sát chất lượng, kết quả làm bài đạt loại tốt, dự kiến đưa vào đội tuyển học sinh giỏi của nhà trường.

- Chọn giáo viên dạy bồi dưỡng là giáo viên giỏi có năng lực, trình độ chuyên môn vững, tâm huyết và say mê với công tác bồi dưỡng, có tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của người học và đặt chất lượng chung của nhà trường lên hàng đầu.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cụ thể, chi tiết, yêu cầu giáo viên dạy bồi dưỡng giảng dạy đảm bảo kiến thức chuyên sâu, đơn vị kiến thức từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp cho các em học sinh làm quen với nhiều dạng đề khác nhau.

-Thành lập ngân hàng đề thi học sinh giỏi ở các năm để giáo viên bồi dưỡng luyện tập cho học sinh.

- GVCN, GV bồi dưỡng bám sát các em trong những tiết học, hướng dẫn giúp đỡ học sinh phương pháp học tập, tự tin không ỷ lại, không chủ quan.

- GV bồi dưỡng sưu tầm tài liệu, nhiều dạng đề và Bài tập giao cho các em từ dễ đến khó, định hướng cho các em tư duy và chủ động học tập tích cực.

-Từng đợt BGH đánh giá và rút kinh nghiệm cho học sinh và giáo viên.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh quan tâm và tạo điều kiện thời gian, vật chất, tinh thần cho học sinh học tập tốt nhất

2. Giúp đỡ học sinh yếu

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.

- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước**,** nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

c) Kế hoạch học tập:

Tiến độ thực hiện

Tháng	Nội dung công việc	Phân công
9/2023	- Xây dựng dự thảo kế hoạch phụ đạo HS yếu. - Lập danh sách HS yếu gửi về BGH.	TT GVBM

Tháng	Nội dung công việc	Phân công
10 - 12/2023	- Triển khai kế hoạch phụ đạo HS yếu đến GV. - Phụ đạo HS yếu các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học. - Phụ đạo HS yếu các môn Sinh, Sử, Địa, GDCD, Công nghệ thường xuyên trong tiết dạy - Kiểm tra công tác phụ đạo HS yếu.	TT GVBM GVBM TT
01+02/2024	- Thống kê điểm kết quả cuối HKI những HS tham gia học phụ đạo. - Lập danh sách HS yếu bộ môn học tiến hành phụ đạo HKII. - Sơ kết, rút kinh nghiệm hoạt động phụ đạo HS yếu HKI.	GVBM, TT GVBM, TT TT
3+4/2024	- Phụ đạo HS yếu theo các môn. - Kiểm tra công tác phụ đạo HS yếu.	GVBM TT
5/2024	- Thống kê kết quả cuối HKII những HS học phụ đạo. - Tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động phụ đạo HS yếu.	GVBM, TT

d) Biện pháp thực hiện:

- Truyền đạt kiến thức cho học sinh đồng thời dạy đủ các đối tượng học sinh yếu - kém. Kiểm tra hướng dẫn thường xuyên;
- GVCN tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh yếu-kém; liên hệ thường xuyên với phụ huynh để tìm biện pháp giải quyết. Nhiệt tình thể hiện tinh thần trách nhiệm cao hơn đối với học sinh;
- Hướng dẫn các em cách học và chuẩn bị bài ở nhà cho ngày hôm sau;
- Tổ chức các hình thức dạy học trên lớp phong phú hơn để thu hút học sinh chú ý vào bài học;
- Đôn đốc học sinh đi đều và đi đủ, cho 1 học sinh khá, giỏi kèm cặp học sinh yếu kém;
- Khi dạy sử dụng triệt để đồ dùng dạy học, liên hệ thực tế sinh động; giúp học sinh dễ nhớ bài;
- Qua khảo sát chất lượng đầu năm giáo viên bộ môn chọn ra những học sinh yếu kém và lên kế hoạch phụ đạo kịp thời
- Dạy theo thời khóa biểu quy định mỗi tuần 2 tiết ngoài thời khóa biểu chính khóa;
- Sau 4 tuần giáo viên cho học sinh làm bài kiểm tra để xóa kém và chọn những học sinh khác tiếp tục nâng kém đợt II (nếu có);
- Mỗi tiết dạy giáo viên ôn lại kiến thức mà học sinh bị hỏng sau đó cho bài tập áp dụng rèn kỹ năng

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

……., ngày tháng 8 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THCS …. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỔ: …. **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

SÁCH CÁNH DIỀU

(Năm học 2023 - 2024)

1. Khối lớp: 7 ; Số học sinh: …

STT	Chủ đề dạy học dự án (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1			4	Sau chương thống kê	Sân trường/ phòng trưng bày/nhà đa năng	GVBM, GVCN,	Phụ huynh, học sinh	Thời tiết thuận lợi
2								

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

…., ngày tháng năm 20…
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC III

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THCS …. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỔ: T… **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN MÔN TOÁN 7

SÁCH CÁNH DIỀU

(Năm học 2023 - 2024)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

PHẦN ĐẠI SỐ

STT	Bài học (1)	Tiết ppct	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
	HỌC KÌ I					
	CHƯƠNG 1. ĐA THỨC NHIỀU BIẾN §1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t1) Mục 1. Đơn thức nhiều biến 1.1. Khái niệm 1.2. Đơn thức thu gọn	1		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t2) Mục 1. Đơn thức nhiều biến 1.3. Đơn thức đồng dạng 1.4. cộng trừ đơn thức đồng dạng	2		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t3) Mục 2. Đa thức nhiều biến 2.1. Định nghĩa 2.2. Đa thức thu gọn	3		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t4) Mục 2. Đa thức nhiều biến 2.3. Giá trị của đa thức	4		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t1) Mục 1. Cộng hai đa thức nhiều biến	5		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t2) Mục 2. Trừ hai đa thức nhiều biến	6		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t3) Mục 3. Nhân hai đa thức nhiều biến	7		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t4) Mục 4. Chia đa thức cho đơn thức	8		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t1) Mục 1. Hằng đẳng thức Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.1. Bình phương của một tổng, một hiệu	9		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t2) Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.2. Hiệu hai bình phương	10		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t3) Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.3. Lập phương của một tổng, một hiệu	11		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t4) Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.4. Tổng, hiệu hai lập phương	12		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§4. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử (t1) Mục 1. Phân tích đa thức thành nhân tử Mục 2. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử 2.1. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng pp vận dụng trực tiếp HĐT	13		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§4. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử (t2) Mục 2. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử	14		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

	2.2. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng pp vận dụng HĐT thông qua nhóm số hạng và đặt nhân tử chung					
	Bài tập cuối chương 1 (t1)	15		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Bài tập cuối chương 1 (t2)	16		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	CHƯƠNG II. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ §1. Phân thức đại số (t1) Mục 1. Khái niệm về phân thức đại số	17		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§1. Phân thức đại số (t3) Mục 2. Tính chất cơ bản của phân thức 2.1. Tính chất cơ bản	18		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§1. Phân thức đại số (t4) Mục 2. Tính chất cơ bản của phân thức 2.2 Ứng dụng:	19		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§1. Phân thức đại số (t6) Mục 3. Điều kiện xác định và giá trị của phân thức	20		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Phép cộng, phép trừ phân thức đại số (t1) Mục 1. Phép cộng các phân thức đại số	21		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Phép cộng, phép trừ phân thức đại số (t2) Mục 2. Phép trừ các phân thức đại số	22		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập giữa học kì I (t1)	23		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập giữa học kì I (t2)	24		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	25		Tuần		Lớp học
	§3. Phép nhân, phép chia phân thức đại số (t1) Mục 1. Phép nhân các phân thức đại số	26		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Phép nhân, phép chia phân thức đại số (t1) Mục 2. Phép chia các phân thức đại số	27		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

	Bài tập cuối chương II (t1)	28		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Bài tập cuối chương II (t2)	29		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	CHƯƠNG III. HAM SỐ VA ĐỒ THỊ § 1. Hàm số (t1) Mục 1. Định nghĩa	30		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§ 1. Hàm số (t2) Mục 2. Giá trị của hàm số	31		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Mặt phẳng toạ độ. Đồ thị của hàm số (t1) Mục 1. Mặt phẳng tọa độ	32		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Mặt phẳng toạ độ. Đồ thị của hàm số (t2) Mục 2. Tọa độ của một điểm trong mặt phẳng tọa độ	33		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Mặt phẳng toạ độ. Đồ thị của hàm số (t3) Mục 3. Đồ thị của hàm số	34		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Hàm số bậc nhất y = ax + b (t1) Mục 1. Hàm số bậc nhất	35		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Hàm số bậc nhất y = ax + b (t2) Mục 2. Ứng dụng	36		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§4. Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b\ (a\ 0)$ (t1) Mục 1. Đồ thị của hàm số bậc nhất	37		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§4. Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b\ (a\ 0)$ (t2) Mục 2. Vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất	38		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§4. Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b\ (a\ 0)$ (t3) Mục 3. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b\ (a\ 0)$	39		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập học kì I (phần đại số)	40		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

	Ôn tập học kì I (phần đại số)	41		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	KIỂM TRA HỌC KÌ I	42		Tuần		Lớp học
	Trả bài kiểm tra học kì I	43		Tuần		Lớp học
HỌC KÌ II						
	§ 1. Thu thập và phân loại dữ liệu (t1) Mục 1. Thu thập dữ liệu Mục 2. Phân loại dữ liệu	44		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§ 1. Thu thập và phân loại dữ liệu (t2) Mục 3. Tính hợp lí của dữ liệu	45		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ (t1) Mục 1. Biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ thống kê	46		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ (t1) Mục 2. Biểu diễn một tập dữ liệu theo những cách khác nhau	47		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Phân tích và xử li dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ (t1) Mục 1. Phát hiện vấn đề dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ	48		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§3. Phân tích và xử li dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ (t2) Mục 2. Giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ	49		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§4. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản (t1) Mục 1. Xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu	50		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

	Mục 2. Xác suất của biến cố trong trò chơi vòng quay số.					
	§4. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản (t2) Mục 3. Xác suất của biến cố trong trò chơi chọn một đối tượng ngẫu nhiên trong nhóm đối tượng	51		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§5. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản (t1) Mục 1. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi tung đồng xu	52		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§5. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản (t2) Mục 2. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi vòng quay số.	53		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§5. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản (t3) Mục 3. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi chọn một đối tượng ngẫu nhiên trong nhóm đối tượng	54		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Bài tập cuối chương VI (t1)	55		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Bài tập cuối chương VI (t2)	56		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập giữa học kì II	57		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập giữa học kì II	58		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	59		Tuần		Lớp học
	§ 1. Phương trình bậc nhất một ẩn (t1) Mục 1. Mở đầu về phương trình Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn 2.1. Định nghĩa.	60		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

	§ 1. Phương trình bậc nhất một ẩn (t2) Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn 2.2. Cách giải 2.2a. giải phương trình bậc nhất một ẩn	61		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§ 1. Phương trình bậc nhất một ẩn (t3) Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn 2.2. Cách giải 2.2b. Giải phương trình đưa được về dạng phương trình bậc nhất một ẩn	62		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn (t1) Mục 1. Biểu diễn một đại lượng bởi một biểu thức chứa ẩn	63		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn (t2) Mục 2. Một số ví dụ về ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn	64		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	§2. ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn (t3) Bài tập ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn.	65		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Bài tập cuối chương VII (t1)	66		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Bài tập cuối chương VII (t2)	67		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập học kì II (phần đại số)	68		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập học kì II (phần đại số)	69		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập học kì II (phần Thống kê và xác suất)	70		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	Ôn tập học kì II (phần Thống kê và xác suất)	71		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
	KIỂM TRA HỌC KÌ II	72		Tuần		Lớp học
	Trả bài kiểm tra học kì II	73		Tuần		Lớp học

PHẦN HÌNH HỌC

STT	Bài học (1)	Tiết ppct	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
HỌC KÌ I						
1	**CHƯƠNG IV. HÌNH HỌC TRỰC QUAN** § 1. Hình chóp tam giác đều (t1) Mục 1. Hình chóp tam giác đều	1		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
2	§ 1. Hình chóp tam giác đều (t2) Mục 2. Diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều	2		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
3	§ 1. Hình chóp tam giác đều (t3) Mục 3. Thể tích của hình chóp tam giác đều	3		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
4	§2. Hình chóp tứ giác đều (t1) Mục 1. Hình chóp tứ giác đều	4		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
5	§2. Hình chóp tứ giác đều (t2) Mục 2. Diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều	5		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
6	§2. Hình chóp tứ giác đều (t3) Mục 3. Thể tích của hình chóp tứ giác đều	6		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
7	Bài tập cuối chương IV	7		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
8	Ôn tập giữa học kì I	8		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
9	**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**	9		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
10	**CHƯƠNG V. TAM GIÁC. TỨ GIÁC** §1. Định lí Pythagore (t1) Mục 1. Định lí Pythagore	10		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

11	§1. Định lí Pythagore (t2) Mục 2. Định lí Pythagore đảo	11		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
12	§2. Tứ giác	12		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
13	§3. Hình thang cân (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	13		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
14	§3. Hình thang cân (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	14		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
15	§4. Hình bình hành (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	15		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
16	§4. Hình bình hành (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	16		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
17	§5. Hình chữ nhật (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	17		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
18	§5. Hình chữ nhật (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	18		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
19	§6. Hình thoi (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	19		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
20	§6. Hình thoi (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	20		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
21	§7. Hình vuông (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	21		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
22	§7. Hình vuông (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	22		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
23	Bài tập cuối chương V (t1)	23		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
24	Hoạt động thực hành và trải nghiệm (t1)	24		Tuần	Dụng cụ thực hành	Lớp học

	Chủ đề. Thực hành tạo Hologram					
25	Hoạt động thực hành và trải nghiệm (t2) *Chủ đề. Thực hành tạo Hologram*	25		Tuần	Dụng cụ thực hành	Lớp học
26	Ôn tập học kì I (phần hình học)	26		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
27	Ôn tập học kì I (phần hình học)	27		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
28	**KIỂM TRA HỌC KÌ I**	28		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
29	Trả bài kiểm tra học kì I	29		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
HỌC KÌ II						
30	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t1) Mục 1. Đoạn thẳng tỉ lệ Mục 2. Định lí Thales trong tam giác 2.1. Định lí Thales	30		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
31	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t2) Mục 2. Định lí Thales trong tam giác 2.2. Định lí Thales đảo	31		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
32	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t3) Mục 2. Định lí Thales trong tam giác 2.3. Hệ quả của định lí Thales	32		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
33	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t4) Bài tập về định lí Thales trong tam giác	33		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
34	§2. ứng dụng của định li Thalès trong tam giác (t1) Mục 1. Ước lượng khoảng cách	34		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
35	§2. ứng dụng của định li Thalès trong tam giác (t2) Mục 2. Ước lượng chiều cao	35		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
36	§3. Đường trung bình của tam giác (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất.	36		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

37	§3. Đường trung bình của tam giác (t2) Bài tập Đường trung bình của tam giác	37		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
38	§4. Tính chất đường phân giác của tam giác (t1) Mục 1. Tính chất	38		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
39	§4. Tính chất đường phân giác của tam giác (t2) Mục 2. Áp dụng	39		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
40	§4. Tính chất đường phân giác của tam giác (t3) Bài tập đường phân giác của tam giác	40		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
41	Ôn tập giữa học kì II	41		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
42	Ôn tập giữa học kì II	42		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
43	**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**	43		Tuần		Lớp học
44	§5. Tam giác đồng dạng (t1) Mục 1. Định nghĩa	44		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
45	§5. Tam giác đồng dạng (t2) Mục 2. Tính chất.	45		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
46	§5. Tam giác đồng dạng (t3) Bài tập về tam giác đồng dạng	46		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
47	§6. Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác (t1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ nhất c.c.c	47		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
48	§6. Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác (t2) Mục 2. Áp dụng Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác vào tam giác vuông	48		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
49	§6. Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác (t3) Bài tập về trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác	49		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

50	§7. Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác (t1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ hai c.g.c	50		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
51	§7. Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác (t2) Mục 2. Áp dụng Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác vào tam giác vuông	51		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
52	§7. Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác (t3) Bài tập về trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác	52		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
53	§8. Trương hợp đồng dạng thứ ba của tam giác (t1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ nhất g.g	53		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
54	§8. Trương hợp đồng dạng thứ ba của tam giác (t1) Mục 2. Áp dụng Trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác vào tam giác vuông	54		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
55	§8. Trương hợp đồng dạng thứ ba của tam giác (t3) Bài tập về trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác	55		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
56	§9. Hình đồng dạng (t1) Mục 1. Hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự)	56		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
57	§9. Hình đồng dạng (t2) Mục 2. Hình đồng dạng	57		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
58	§ 10. Hình đồng dạng trong thực tiễn	58		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
59	Bài tập cuối chương VIII (t1)	59		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
60	Bài tập cuối chương VIII (t2)	60		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
61	Bài tập cuối chương VIII (t3)	61		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
62	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) *Chủ đề: Thực hành đo chiều cao*	62		Tuần	Dụng cụ thực hành	ngoài trời
63	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) *Chủ đề: Thực hành đo chiều cao*	63		Tuần	Dụng cụ thực hành	ngoài trời

64	Ôn tập học kì I (phần hình học)	64		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
65	Ôn tập học kì I (phần hình học)	65		Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
66	**KIỂM TRA HỌC KÌ II**	66		Tuần		Lớp học
67	Trả bài kiểm tra học kì II	67		Tuần		Lớp học

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.
(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.
(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.
(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.
(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

.....
.....
.....
.....
.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

OLM TÀI LIỆU

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TOÁN 8
SÁCH CÁNH DIỀU
Năm học: 2023 - 2024

Học kì I (18 tuần x 4 tiết = 72 tiết)
Học kì II (17 tuần x 4 tiết = 68 tiết)

PHỤ LỤC IV
(Dùng cho Gv in để tiện theo dõi và lên lịch báo giảng)

HỌC KÌ I					
Tuần	**Tiết**	**Đại số**	**Tiết**	**Hình học**	**Ghi chú**
1	1	**CHƯƠNG 1. ĐA THỨC NHIỀU BIẾN** §1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t1) Mục 1. Đơn thức nhiều biến 1.1. Khái niệm 1.2. Đơn thức thu gọn	1	**CHƯƠNG IV. HÌNH HỌC TRỰC QUAN** § 1. Hình chóp tam giác đều (t1) Mục 1. Hình chóp tam giác đều	
	2	§1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t2) Mục 1. Đơn thức nhiều biến 1.3. Đơn thức đồng dạng 1.4. cộng trừ đơn thức đồng dạng			
	3	§1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t3) Mục 2. Đa thức nhiều biến 2.1. Định nghĩa 2.2. Đa thức thu gọn			
2	4	§1. Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến (t4) Mục 2. Đa thức nhiều biến 2.3. Giá trị của đa thức	2	§ 1. Hình chóp tam giác đều (t2) Mục 2. Diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều	
	5	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t1) Mục 1. Cộng hai đa thức nhiều biến			
	6	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t2) Mục 2. Trừ hai đa thức nhiều biến			
3	7	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t3) Mục 3. Nhân hai đa thức nhiều biến	3	§ 1. Hình chóp tam giác đều (t3) Mục 3. Thể tích của hình chóp tam giác đều	

	8	§2. Các phép tính với đa thức nhiều biến (t4) Mục 4. Chia đa thức cho đơn thức			
	9	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t1) Mục 1. Hằng đẳng thức Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.1. Bình phương của một tổng, một hiệu			
4	10	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t2) Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.2. Hiệu hai bình phương	4	§2. Hình chóp tứ giác đều (t1) Mục 1. Hình chóp tứ giác đều	
	11	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t3) Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.3. Lập phương của một tổng, một hiệu			
	12	§3. Hằng đẳng thức đáng nhớ (t4) Mục 2. Hằng đẳng thức đáng nhớ Mục 2.4. Tổng, hiệu hai lập phương			
5	13	§4. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử (t1) Mục 1. Phân tích đa thức thành nhân tử Mục 2. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử 2.1. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng pp vận dụng trực tiếp HĐT	5	§2. Hình chóp tứ giác đều (t2) Mục 2. Diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều	
	14	§4. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử (t2) Mục 2. Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử 2.2. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng pp vận dụng HĐT thông qua nhóm số hạng và đặt nhân tử chung			
	15	Bài tập cuối chương 1 (t1)			
6	16	Bài tập cuối chương 1 (t2)	6	§2. Hình chóp tứ giác đều (t3) Mục 3. Thể tích của hình chóp tứ giác đều	

	17	**CHƯƠNG II. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ** §1. Phân thức đại số (t1) Mục 1. Khái niệm về phân thức đại số			
	18	§1. Phân thức đại số (t3) Mục 2. Tính chất cơ bản của phân thức 2.1. Tính chất cơ bản			
7	19	§1. Phân thức đại số (t4) Mục 2. Tính chất cơ bản của phân thức 2.2 Ứng dụng:	7	Bài tập cuối chương IV	
	20	§1. Phân thức đại số (t6) Mục 3. Điều kiện xác định và giá trị của phân thức			
	21	§2. Phép cộng, phép trừ phân thức đại số (t1) Mục 1. Phép cộng các phân thức đại số			
8	22	§2. Phép cộng, phép trừ phân thức đại số (t2) Mục 2. Phép trừ các phân thức đại số	8	Ôn tập giữa học kì I	
	23	Ôn tập giữa học kì I (t1)			
	24	Ôn tập giữa học kì I (t2)			
9	25	**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**	9	**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**	
			10	**CHƯƠNG V. TAM GIÁC. TỨ GIÁC** §1. Định lí Pythagore (t1) Mục 1. Định lí Pythagore	
			11	§1. Định lí Pythagore (t2) Mục 2. Định lí Pythagore đảo	
10	26	§3. Phép nhân, phép chia phân thức đại số (t1) Mục 1. Phép nhân các phân thức đại số	12	§2. Tứ giác	
	27	§3. Phép nhân, phép chia phân thức đại số (t1) Mục 2. Phép chia các phân thức đại số	13	§3. Hình thang cân (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	
11	28	Bài tập cuối chương II (t1)	14	§3. Hình thang cân (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	
	29	Bài tập cuối chương II (t2)	15	§4. Hình bình hành (t1)	

				Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	
12	30	**CHƯƠNG III. HAM SỐ VA ĐỒ THỊ** § 1. Hàm số (t1) Mục 1. Định nghĩa	16	§4. Hình bình hành (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	
	31	§ 1. Hàm số (t2) Mục 2. Giá trị của hàm số	17	§5. Hình chữ nhật (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	
13	32	§2. Mặt phẳng toạ độ. Đồ thị của hàm số (t1) Mục 1. Mặt phẳng tọa độ	18	§5. Hình chữ nhật (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	
	33	§2. Mặt phẳng toạ độ. Đồ thị của hàm số (t2) Mục 2. Tọa độ của một điểm trong mặt phẳng tọa độ	19	§6. Hình thoi (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	
14	34	§2. Mặt phẳng toạ độ. Đồ thị của hàm số (t3) Mục 3. Đồ thị của hàm số	20	§6. Hình thoi (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	
	35	§3. Hàm số bậc nhất y = ax + b (t1) Mục 1. Hàm số bậc nhất	21	§7. Hình vuông (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất	
15	36	§3. Hàm số bậc nhất y = ax + b (t2) Mục 2. Ứng dụng	22	§7. Hình vuông (t2) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết	
	37	§4. Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b\ (a \neq 0)$ (t1) Mục 1. Đồ thị của hàm số bậc nhất	23	Bài tập cuối chương V (t1)	
16	38	§4. Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b\ (a \neq 0)$ (t2) Mục 2. Vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất	24	Hoạt động thực hành và trải nghiệm (t1) *Chủ đề. Thực hành tạo Hologram*	
	39	§4. Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b\ (a \neq 0)$ (t3) Mục 3. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b\ (a \neq 0)$	25	Hoạt động thực hành và trải nghiệm (t2) *Chủ đề. Thực hành tạo Hologram*	
17	40	Ôn tập học kì I (phần đại số)	26	Ôn tập học kì I (phần hình học)	
	41	Ôn tập học kì I (phần đại số)	27	Ôn tập học kì I (phần hình học)	

18	42	**KIỂM TRA HỌC KÌ I**	28	**KIỂM TRA HỌC KÌ I**	
	43	Trả bài kiểm tra học kì I	29	Trả bài kiểm tra học kì I	

HỌC KÌ II					
19	44	§ 1. Thu thập và phân loại dữ liệu (t1) Mục 1. Thu thập dữ liệu Mục 2. Phân loại dữ liệu	30	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t1) Mục 1. Đoạn thẳng tỉ lệ Mục 2. Định lí Thales trong tam giác 2.1. Định lí Thales	
	45	§ 1. Thu thập và phân loại dữ liệu (t2) Mục 3. Tính hợp lí của dữ liệu	31	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t2) Mục 2. Định lí Thales trong tam giác 2.2. Định lí Thales đảo	
20	46	§2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ (t1) Mục 1. Biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ thống kê	32	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t3) Mục 2. Định lí Thales trong tam giác 2.3. Hệ quả của định lí Thales	
	47	§2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ (t1) Mục 2. Biểu diễn một tập dữ liệu theo những cách khác nhau	33	§ 1. Định li Thalès trong tam giác (t4) Bài tập về định lí Thales trong tam giác	
21	48	§3. Phân tích và xử li dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ (t1) Mục 1. Phát hiện vấn đề dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ	34	§2. ứng dụng của định li Thalès trong tam giác (t1) Mục 1. Ước lượng khoảng cách	
	49	§3. Phân tích và xử li dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ (t2) Mục 2. Giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ	35	§2. ứng dụng của định li Thalès trong tam giác (t2) Mục 2. Ước lượng chiều cao	
22	50	§4. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản (t1) Mục 1. Xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu Mục 2. Xác suất của biến cố trong trò chơi vòng quay số.	36	§3. Đường trung bình của tam giác (t1) Mục 1. Định nghĩa Mục 2. Tính chất.	
	51	§4. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản (t2)	37	§3. Đường trung bình của tam giác (t2) Bài tập Đường trung bình của tam giác	

		Mục 3. Xác suất của biến cố trong trò chơi chọn một đối tượng ngẫu nhiên trong nhóm đối tượng			
23	52	§5. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản (t1) Mục 1. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi tung đồng xu	38	§4. Tính chất đường phân giác của tam giác (t1) Mục 1. Tính chất	
	53	§5. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản (t2) Mục 2. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi vòng quay số.	39	§4. Tính chất đường phân giác của tam giác (t2) Mục 2. Áp dụng	
24	54	§5. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản (t3) Mục 3. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi chọn một đối tượng ngẫu nhiên trong nhóm đối tượng	40	§4. Tính chất đường phân giác của tam giác (t3) Bài tập đường phân giác của tam giác	
	55	Bài tập cuối chương VI (t1)			
	56	Bài tập cuối chương VI (t2)			
25	57	Ôn tập giữa học kì II	41	Ôn tập giữa học kì II	
	58	Ôn tập giữa học kì II	42	Ôn tập giữa học kì II	
26	59	**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**	43	**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**	
			44	§5. Tam giác đồng dạng (t1) Mục 1. Định nghĩa	
			45	§5. Tam giác đồng dạng (t2) Mục 2. Tính chất.	
27	60	§ 1. Phương trình bậc nhất một ẩn (t1) Mục 1. Mở đầu về phương trình Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn 2.1. Định nghĩa.	46	§5. Tam giác đồng dạng (t3) Bài tập về tam giác đồng dạng	
			47	§6. Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác (t1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ nhất c.c.c	
			48	§6. Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác (t2)	

				Mục 2. Áp dụng Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác vào tam giác vuông	
28	61	§ 1. Phương trình bậc nhất một ẩn (t2) Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn 2.2. Cách giải 2.2a. giải phương trình bậc nhất một ẩn	49	§6. Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác (t3) Bài tập về trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác	
			50	§7. Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác (t1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ hai c.g.c	
			51	§7. Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác (t2) Mục 2. Áp dụng Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác vào tam giác vuông	
29	62	§ 1. Phương trình bậc nhất một ẩn (t3) Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn 2.2. Cách giải 2.2b. Giải phương trình đưa được về dạng phương trình bậc nhất một ẩn	52	§7. Trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác (t3) Bài tập về trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác	
			53	§8. Trương hợp đồng dạng thứ ba của tam giác (t1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ nhất g.g	
			54	§8. Trương hợp đồng dạng thứ ba của tam giác (t1) Mục 2. Áp dụng Trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác vào tam giác vuông	
30	63	§2. ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn (t1) Mục 1. Biểu diễn một đại lượng bởi một biểu thức chứa ẩn	55	§8. Trương hợp đồng dạng thứ ba của tam giác (t3) Bài tập về trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác	
			56	§9. Hình đồng dạng (t1) Mục 1. Hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự)	
			57	§9. Hình đồng dạng (t2) Mục 2. Hình đồng dạng	
31	64	§2. ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn (t2)	58	§ 10. Hình đồng dạng trong thực tiễn	

		Mục 2. Một số ví dụ về ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn			
	65	§2. ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn (t3) Bài tập ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn.	59	Bài tập cuối chương VIII (t1)	
32	66	Bài tập cuối chương VII (t1)	60	Bài tập cuối chương VIII (t2)	
	67	Bài tập cuối chương VII (t2)	61	Bài tập cuối chương VIII (t3)	
33	68	Ôn tập học kì II (phần đại số)	62	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) *Chủ đề: Thực hành đo chiều cao*	
	69	Ôn tập học kì II (phần đại số)	63	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) *Chủ đề: Thực hành đo chiều cao*	
34	70	Ôn tập học kì II (phần Thống kê và xác suất)	64	Ôn tập học kì I (phần hình học)	
	71	Ôn tập học kì II (phần Thống kê và xác suất)	65	Ôn tập học kì I (phần hình học)	
35	72	**KIỂM TRA HỌC KÌ II**	66	**KIỂM TRA HỌC KÌ II**	
	73	Trả bài kiểm tra học kì II	67	Trả bài kiểm tra học kì II	

CÔNG CỤ XẾP TKB CỦA OLM.VN:

🆘 [DÀNH RIÊNG CHO GIÁO VIÊN VÀ NHÀ TRƯỜNG] TẬP HUẤN XẾP THỜI KHOÁ BIỂU VỚI OLM TKB 🆘

🌟 Năm học mới 2023-2024 đang đến gần. Xếp thời khoá biểu là nhiệm vụ đầu tiên của nhà trường cho năm học mới. Việc xếp được một thời khoá biểu thoả mãn nhiều yêu cầu và ràng buộc là bài toán khó ngay cả khi có sự hỗ trợ của các phần mềm xếp thời khoá biểu.

🔰 Phần mềm OLM TKB tuy mới được phát hành cách đây tròn 1 năm (từ tháng 8/2022) nhưng đã được hàng trăm trường khai thác rất hiệu quả. Trong 1 năm vừa qua, Phần mềm đã liên tục cải tiến, bám sát nghiệp vụ các trường và đến nay được các thầy cô chuyên gia đánh giá là có nhiều ưu điểm so với các phần mềm có trên thị trường, cụ thể OLM TKB có những ưu điểm sau:

🎯 Thân thiện, dễ dùng

🎯 Giảm thiểu tối đa thao tác nhập liệu

🎯 Xếp tự động dùng trí tuệ nhân tạo

🎯 Thỏa mãn nhiều loại ràng buộc

🎯 Có công cụ chỉnh sửa thời khoá biểu hết sức trực quan

🎯 Dễ dàng chia sẻ, copy, nhân bản

🎯 Chạy online, không cần cài đặt

🎯 Hỗ trợ kịp thời

👉 Để giúp các thầy cô xếp thời khóa biểu cho năm học mới, Ban Quản trị OLM sẽ tổ chức buổi Tập huấn Xếp thời khóa biểu trên phần mềm OLM TKB. Thông tin của buổi tập huấn như sau:

1. Đối tượng: Các thầy/cô được nhà trường giao nhiệm vụ xếp thời khóa biểu hoặc thư kí hội đồng trường.

2. Hình thức: Trực tuyến trên nền tảng Zoom (Ban Tổ chức sẽ gửi ID và PASS theo email thầy/cô đăng kí theo form dưới đây)

3. Thời gian: 20:00 ngày Thứ Năm, 10/08/2023

📢 Đăng kí ngay tại: https://forms.gle/AUvkhXcYtthkbZSeA

!! Lưu ý: thời gian nhận đăng ký: Từ 31/07/2023 – 10/08/2023

📞 Đường dây nóng tiếp nhận thông tin ĐT/Zalo: 0915343532 (Phạm Thọ Hoàn - OLM)

📧 Email: a@olm.vn